

NGÔ SÁCH THỰC*
NGUYỄN THỊ HOA NÂU**

PHẬT GIÁO NAM TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA TINH THẦN CỦA NGƯỜI KHMER Ở HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

***Tóm tắt:** Phật giáo Nam tông có mặt trên đất nước Việt Nam từ rất sớm, theo con đường của các nhà truyền giáo từ Ấn Độ tới Sri Lanca, Myanmar, Thái Lan, Campuchia và đã lan tỏa ra các tỉnh Nam Bộ Việt Nam, trong đó có Kiên Giang. Đến khoảng thế kỷ XII đã hình thành cộng đồng Phật giáo Nam tông Khmer và đến năm 1412 xuất hiện ngôi chùa đầu tiên của họ tại Rạch Giá (Kiên Giang), đó là chùa Ăngkor Chum Vông Sa. Trải qua năm tháng, Phật giáo Nam tông đã ảnh hưởng và tạo nên bản sắc văn hóa của người Khmer, nhất là trong đời sống văn hóa tinh thần. Bài viết này trình bày những ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông trong đời sống văn hóa tinh thần của người Khmer ở huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang trong giai đoạn hiện nay.*

***Từ khóa:** Phật giáo Nam tông; Người Khmer; Giồng Riềng; Kiên Giang.*

Dẫn nhập

Trong tiến trình phát triển tộc người, Phật giáo Nam tông đã có ảnh hưởng đến đời sống văn hóa của người Khmer, trong đó có người Khmer ở huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Phật giáo Nam tông từ chỗ ngoại sinh đã lan tỏa, thấm sâu vào tư tưởng và hòa hợp cùng văn hóa dân tộc, tác động mạnh mẽ đến đời sống văn

* Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang.

Ngày nhận bài: 05/01/2021; Ngày biên tập: 15/3/2021; Duyệt đăng: 28/3/2021.

hóa tinh thần dân tộc Khmer vùng đất Nam Bộ, trở thành yếu tố nội sinh thúc đẩy sự phát triển văn hóa dân tộc.

Tính đến năm 2019, Phật giáo Nam tông Khmer ở Kiên Giang có 76 chùa (trong đó có 3 chùa và 1 tháp là di tích văn hóa cấp quốc gia, 2 chùa là di tích cấp tỉnh, 1 chùa Nam tông của người Kinh), có 205.945 tín đồ (chiếm 12,11% dân số toàn tỉnh và chiếm 34,80% tín đồ các tôn giáo), 255 vị chức sắc, 310 nhà tu hành (bậc sa di); 1.358 chức việc trong ban quản trị¹.

Cho đến nay, trải qua thời gian khá dài, người Khmer cùng sinh sống với các dân tộc khác, nhưng bản sắc văn hóa của họ vẫn được thể hiện một cách đặc sắc và rõ nét, bởi Phật giáo Nam tông đã góp phần quan trọng và cốt yếu trong việc cố kết cộng đồng này. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày những ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông trên một số lĩnh vực trong đời sống văn hóa tinh thần của người Khmer ở huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

1. Vài nét về Phật giáo Nam tông Khmer và đặc điểm về đời sống văn hóa tinh thần của người Khmer huyện Giồng Riềng

1.1. Về Phật giáo Nam tông Khmer tại huyện Giồng Riềng

Huyện Giồng Riềng nằm trong vùng Tây sông Hậu thuộc tỉnh Kiên Giang. Địa giới hành chính của huyện được xác định như sau: phía Bắc giáp huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và Tp. Cần Thơ, phía Nam giáp huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang và tỉnh Hậu Giang, phía Tây giáp huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, phía Đông giáp Tp. Cần Thơ. Giồng Riềng là huyện có dân số lớn thứ hai tỉnh Kiên Giang (sau Rạch Giá). Phân bố dân cư ở huyện khá đồng đều ở các xã, ngoại trừ thị trấn Giồng Riềng. Mật độ dân số 343 người/km², chiếm 10,01% về diện tích và khoảng 12,26% về dân số của tỉnh Kiên Giang. Huyện Giồng Riềng có số đơn vị hành chính cấp xã nhiều nhất tỉnh và cũng có nhiều cấp xã nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long: 18 xã và 1 thị trấn².

Về tôn giáo, huyện Giồng Riềng có 07 tôn giáo với 69.198 tín đồ, cùng một số nhóm có tính tôn giáo khác, sống và sinh hoạt

khắp địa bàn của 19 xã, thị trấn. Cụ thể: Phật giáo Nam tông với 14 chùa và 40.401 tín đồ; 6 miếu Ông Tà thuộc Nam tông Khmer; Phật giáo Bắc tông với 14 chùa, 3 tịnh xá và 11.330 tín đồ; Cao Đài Ban chính 1 họ đạo với 126 tín đồ; Cao Đài Tây Ninh 4 họ đạo với 1.099 tín đồ; Công giáo có 7 giáo xứ, 2 giáo họ với 13.855 tín đồ; Hội thánh Tin Lành Việt Nam - miền Nam có 2 chi hội với 745 tín đồ; 2 nhóm Tin Lành: Tin Lành Trưởng lão liên hiệp có 32 tín đồ, Tin Lành Đất hứa có 25 tín đồ; Tịnh độ cư sĩ Phật hội có 4 Ban trị sự với 942 tín đồ; Phật giáo Hòa Hảo có 2 Ban trị sự với 531 tín đồ; Bửu Sơn Kỳ Hương có 1 chùa với 96 tín đồ; Baha'i có 16 tín đồ³. Trong 14 ngôi chùa Phật giáo Nam tông thì chùa Ganganadi (Giòng Đá) được thành lập năm 1532, 6 ngôi chùa được xây dựng trước năm 1986. Sau khi đất nước đổi mới, chính sách dân tộc, tôn giáo được quan tâm hơn, người Khmer cũng như Phật giáo Nam tông được hỗ trợ và tạo điều kiện nhiều hơn về cả tinh thần lẫn vật chất, từ đó có thêm 7 ngôi chùa được xây dựng kể từ sau năm 1990. Hiện Phật giáo Nam tông ở huyện Giòng Riềng có 176 vị chức sắc là người Khmer (3 Thượng tọa, 11 đại đức, 119 tỉ kheo, 43 sadi) và 14 Ban quản trị chùa với 192 vị chức việc; 33.631 Phật tử (trong đó, nữ: 16.328), 100% người dân tộc Khmer đều là tín đồ Phật giáo Nam tông, một số rất ít gần đây cải đạo sang các tôn giáo khác. Về trình độ học vấn của sư sãi Phật giáo Nam tông huyện Giòng Riềng: Trung cấp Phật học: 36, Đại học ngành Tôn giáo học: 12, Trung học phổ thông 12/12: 48, Trung học cơ sở: 19 và số còn lại đang theo học bổ túc, học trường Dân tộc nội trú tại huyện.

Có thể nói, Phật giáo Nam tông Khmer ở huyện Giòng Riềng có những đóng góp nhất định về sức người và sức của trong suốt hai thời kỳ chống Pháp và Mỹ. Phật giáo Nam tông luôn sát cánh cùng dân tộc, thể hiện vai trò của mình trong đấu tranh đòi bình đẳng về tôn giáo, chống lại âm mưu lợi dụng dân tộc Khmer để chống phá cách mạng. Bên cạnh đó, các ngôi chùa ở đây không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo mà còn là nơi để người Khmer lánh nạn, hay dùng làm căn cứ kháng chiến. Sau năm 1954, Mỹ đã sử dụng

các chiêu trò như gây mâu thuẫn, kích động tư tưởng hẹp hòi, chia rẽ dân tộc, bài xích Phật giáo Nam tông Khmer, cấm dạy chữ Pali và chữ Khmer trong chùa. Vừa đàn áp cấm đoán, vừa dụ dỗ mua chuộc bằng tiền bạc, cách ly sư sãi và Phật tử Khmer với cách mạng⁴. Người Khmer tỉnh Kiên Giang đã tham gia các cuộc biểu tình chống lại việc bắt sư sãi đi lính, tiêu biểu như cuộc biểu tình vào ngày 10/6/1974 của sư sãi và Phật tử Khmer ở 72 ngôi chùa Nam tông Khmer trong tỉnh, trong đó có huyện Giồng Riềng. Có bốn vị sư đã hy sinh trong cuộc biểu tình này. Đó là niềm tự hào, tự tôn dân tộc của người Khmer Kiên Giang cũng như ở huyện Giồng Riềng.

Ngày nay, Phật giáo Nam tông ở huyện Giồng Riềng luôn đồng hành cùng Phật tử tham gia vào công cuộc đổi mới đất nước, tích cực lao động, học tập nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần. Phật giáo Nam tông ở huyện Giồng Riềng góp phần cùng chính quyền địa phương quản lý chùa chiền, sư sãi, Phật tử, tổ chức các hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật. Các vị sư sãi cùng người Khmer ở Giồng Riềng đã tham gia vào các cấp chính quyền, UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội, phát huy vai trò của mình là chiếc cầu nối thực hiện tốt các việc đời, việc đạo. Đặc biệt là tham gia vào MTTQ huyện, ứng cử đại biểu HĐND xã, huyện, tỉnh. Đặc biệt, vai trò xuyên suốt của Phật giáo Nam tông đối với người Khmer ở Giồng Riềng ở mọi thời kỳ đã trở thành giá trị tinh thần không thể thiếu trong quá trình tồn tại và phát triển.

1.2. Đặc điểm đời sống văn hóa tinh thần của người Khmer huyện Giồng Riềng

Người Khmer ở Giồng Riềng hầu hết sống bằng nghề nông, trồng trọt và chăn nuôi, một số ít làm nghề buôn bán, nên trong quan niệm dân gian nước, gió, lửa, trời, đất, mặt trời, mặt trăng... là những sự vật, hiện tượng gắn liền với đời sống tâm linh của họ và có năng lực huyền bí: mưa có thuận, gió có hòa hay không hoàn toàn lệ thuộc vào các lực lượng này... Cuộc sống có yên ổn hay không phải do các vị thần: Arak (thần bảo hộ dòng họ), Neakta

(thần bảo hộ), Teevada (các thiên thần chăm sóc thế gian). Hằng năm, người Khmer ở Giồng Riềng tổ chức các nghi lễ để cầu khẩn các vị thần này ban cho cuộc sống gia đình bình an, hạnh phúc, mưa gió thuận hòa, mùa màng tươi tốt. Đời sống văn hóa tinh thần, người Khmer ở huyện Giồng Riềng vừa có các đặc điểm chung như người Khmer Nam Bộ, vừa có những nét riêng, cụ thể:

Thứ nhất, và là đặc điểm lớn nhất, trong cộng đồng Khmer trước đây cũng như hiện nay, chùa Phật giáo Nam tông mà đại diện là các nhà sư luôn đóng vai trò trung tâm. Nếu như các mối quan hệ ở làng của người Việt bị chi phối bởi hương ước lệ làng, ở buôn làng của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên bị chi phối bởi luật tục, thì ở sóc của người Khmer lại bị chi phối bởi luân lý của Phật giáo Nam tông. Giáo lý, lời răn dạy của tôn giáo này đã trở thành chuẩn mực của người Khmer. Chính vì vậy, mặc dù người Khmer còn có tín ngưỡng và lễ hội dân gian chứa đựng nhiều yếu tố Ấn Độ giáo, nhưng những yếu tố này lại được lồng ghép vào Phật giáo và Phật giáo luôn có vị trí trung tâm⁵. Những chùa như Cái Đuốc Nhỏ, Cây Trôm, Giồng Đá, Rạch Chanh... đã thật sự là trung tâm văn hóa của cộng đồng Khmer, hướng dẫn thực hiện nếp sống mới của người Khmer theo tiêu chí “Nông thôn mới”. Chùa không chỉ là trung tâm tôn giáo mà còn là nơi dạy học, là nơi duy trì ngôn ngữ và chữ viết. Đặc biệt, chữ Pali cũng được dạy và duy trì trong chùa. Các loại sách, kinh Phật và các tư liệu, sử sách về dân tộc Khmer luôn được các vị sư gìn giữ và truyền dạy lại cho thế hệ sau. Người Khmer huyện Giồng Riềng luôn gắn bó với ngôi chùa từ vật chất đến tinh thần thể hiện trong nếp sống, nếp nghĩ hàng ngày. Phật tử luôn siêng năng đến chùa, tham gia các lễ hội tôn giáo, lễ hội dân tộc, đóng góp vật chất để tích phước, sống chan hòa, đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau,...

Thứ hai, người Khmer ở Giồng Riềng thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, văn hóa thể hiện rõ những nét pha trộn của nhiều luồng văn hóa như Bà la môn giáo, Phật giáo Nam tông và trong quá trình chung sống với các cộng đồng người Việt, người Hoa,

cũng đem lại cho họ những sự giao thoa văn hóa phong phú. Đối với mỗi người Khmer, từ khi sinh ra cho đến lúc trưởng thành, dựng vợ, gả chồng, rồi đau ốm, bệnh tật, từ già cõi đời, đều có những nghi lễ Phật giáo gắn liền với từng giai đoạn khác nhau trong cuộc đời. Một số phong tục tập quán liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống tinh thần của người Khmer Giồng Riềng, như:

Người Khmer ở Giồng Riềng vẫn còn tín ngưỡng Neak Tà một cách sâu sắc. Neak Ta là vị thần bảo hộ của một khu vực đất đai của đồng bào Khmer. Ông Tà của đồng bào Khmer được ẩn dưới nhiều hình thức: Neak Tà trông coi phum sóc, giữ chùa, giữ đất đai. Ngoài ra, còn có những ông Tà “quan sát” ngã 3 ngã 4 sông. Thông thường, ông Tà hay “ẩn thân” dưới dạng những hòn đá. Nên người Khmer Giồng Riềng thường thờ những hòn đá to trong những cái miếu ở góc cây lớn trong phum, sóc hay ở ngã 3, ngã 4 sông. Người Khmer ở Giồng Riềng tin những thiên tai, dịch bệnh, tai họa đến cho con người là do sự bất kính của con người đối với ông Tà. Vì thế mỗi khi có chuyện không may xảy ra thì họ cúng ông Tà để cầu xin ông bớt giận hoặc che chở cho họ.

Người phụ nữ Khmer ở Giồng Riềng khi có thai đều tìm đến các thầy cúng để làm phép trừ tà ma vì họ cho rằng, khi được các thầy cúng làm phép thì thai nhi sẽ được khỏe mạnh phát triển tốt, thai phụ cũng không bị ốm đau. Người phụ nữ mang thai còn đến chùa cầu khẩn thần Reahu cho sinh nở được may mắn. Vì theo truyền thuyết, thần Reahu miệng rộng nuốt mặt trăng dễ dàng và nhả ra cũng nhẹ nhàng. Chính vì thế, phụ nữ Khmer tin rằng khi họ cầu xin Reahu sẽ sinh con được dễ dàng. Sản phụ sau khi sinh con, gia đình mời thầy cúng đến đọc thần chú đồng thời lấy chỉ trắng cột quanh chân giường. Ngoài ra, người Khmer còn lấy xương rồng hoặc lá dứa gai treo trước cửa nhà (cửa chính) để xua tà ma. Đứa trẻ sau khi sinh được 1 tháng, làm lễ cắt tóc “trả ơn mẹ” và làm lễ đặt tên cho bé. Trong thời gian nuôi con, nếu đứa trẻ bị bệnh, gia đình thường cúng Arak “cầu xin hết bệnh”.

Hôn nhân của người Khmer ở Giồng Riềng thường trải qua 3 bước: làm mối, đám hỏi và lễ cưới thường được tổ chức ở bên nhà gái. Xưa nay, người Khmer ở Giồng Riềng luôn cho rằng cưới xin là nét sinh hoạt truyền thống thuộc lĩnh vực văn hóa dân gian gắn liền với phong tục tập quán của cộng đồng. Đám cưới của người Khmer với nhiều nghi thức bắt nguồn từ truyền thuyết, truyện cổ tích và luôn có sự hiện diện của các sư sãi đọc tụng và tiến hành các nghi thức trong lễ cưới.

Tang ma của người Khmer ở Giồng Riềng có nhiều điểm khác biệt so với cộng đồng các dân tộc khác cùng sinh sống trên địa bàn huyện Giồng Riềng. Người Khmer ở Giồng Riềng không để tang cho người chết vì họ quan niệm, cái chết chưa phải là chấm dứt cuộc sống mà vẫn “sống” ở một thế giới khác. Khi người Khmer chết, người thân trong gia đình tổ chức đám ma với nhiều nghi thức và con cháu thường xuyên “làm phước”, “gửi của”, mang nhiều lễ vật cúng cho chùa và sư sãi, những lễ vật ấy sẽ theo khói nhang và tiếng kệ lời kinh đến được với cha mẹ cũng như ông bà của họ ở thế giới bên kia. Con cháu còn sống làm phước ít hay nhiều thì cuộc sống của người chết sẽ theo đó mà sung sướng hay chật vật. Người Khmer thấu hiểu và thực hành sâu sắc triết lý “nhân quả” của nhà Phật. Chính vì thế, họ quan niệm lúc sống phải tích phước để khi chết sẽ được giải thoát.

Thứ ba, nổi bật trong đời sống văn hóa tinh thần của người Khmer ở Giồng Riềng là lễ hội. Lễ hội là món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống văn hóa cũng như tín ngưỡng của dân tộc Khmer, góp phần tạo nên nét độc đáo trong văn hóa truyền thống của họ. Nét văn hóa truyền thống đó đã in sâu trong nếp sống hằng ngày của mỗi người dân.

Thứ tư, đời sống văn hóa tinh thần người Khmer ở Giồng Riềng còn thể hiện ở nghệ thuật tạo hình (kiến trúc, điêu khắc, chạm trổ, hội họa, trang phục), đặc biệt trong chùa; nghệ thuật biểu diễn như kịch cổ điển Rô Băm và kịch hát Dù kê. Tuy nhiên, nghệ thuật tạo hình của người Khmer ở Giồng Riềng được lưu giữ chủ yếu tại các

chùa và một vài ngôi nhà, trong khi hầu hết nhà ở của người Khmer ở Giồng Riềng được xây cất như nhà ở của người Kinh. Về trang phục, người Khmer chỉ mặc trang phục truyền thống khi tham gia các hoạt động lễ hội, lễ cưới, biểu diễn văn nghệ, còn trong sinh hoạt hàng ngày họ mặc trang phục như người Kinh. Đây là điểm khác biệt của người Khmer ở Giồng Riềng so với người Khmer ở các tỉnh như Trà Vinh, Sóc Trăng và An Giang, và là một thực tế đáng quan tâm trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa trong cộng đồng người Khmer ở Giồng Riềng.

2. Ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông đối với đời sống văn hóa tinh thần người Khmer huyện Giồng Riềng

Tôn giáo ban đầu của người Khmer là Bà la môn giáo, sau đó Phật giáo Nam tông dần thay thế và trở thành tôn giáo dân tộc của người Khmer. Cả hai tôn giáo này, đặc biệt là Phật giáo Nam tông, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tín ngưỡng dân gian của người Khmer. Tín ngưỡng dân gian được hình thành trong quá trình sinh sống và phát triển lâu đời của người Khmer, nhưng hầu như các tín ngưỡng dân gian này đều mang triết lý nhân sinh của Phật giáo. Hầu hết trong các nghi thức hành lễ của tín ngưỡng dân gian đều có sự tham gia hành lễ, tụng niệm kinh Phật hoặc chứng kiến. Vai trò của sư sãi luôn ở vị trí quan trọng và đứng đầu các hoạt động này, từ nội dung đến phân công thực hiện và tất cả những người tham gia đều tuân theo ý kiến của các nhà sư.

Người Khmer có những đặc điểm chung của văn hóa Việt Nam nhưng cũng có những nét riêng về văn hóa tinh thần của mình qua một số lĩnh vực cụ thể, như: ngôn ngữ, văn học nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán, giáo dục và chuẩn mực đạo đức mà bài viết sẽ trình bày dưới đây.

2.1. Đối với lễ hội và phong tục tập quán

2.1.1. Đối với lễ hội

Có thể thấy tôn giáo và lễ hội có mối quan hệ khăng khít. Điều này dễ nhận thấy qua các lễ hội của người Khmer Nam Bộ. Đa số

các lễ hội của họ đều mang dấu ấn Phật giáo. Các lễ hội (dù bắt nguồn từ Phật giáo hay từ dân gian) đều thể hiện rõ vai trò của nhà sư và ngôi chùa Khmer. Trong chừng mực nhất định, tôn giáo vẫn là chỗ dựa tinh thần của lễ hội, qua đó góp phần giúp con người có thêm sức mạnh củng cố niềm tin vươn tới chân, thiện, mỹ, lạc quan hướng tới tương lai. Chính vì vậy, khi nói đến lễ hội tôn giáo là nói đến lễ hội gắn với niềm tin, tín ngưỡng⁶.

Lễ hội Khmer gồm hai loại là lễ hội dân tộc và lễ hội tôn giáo, trong đó lễ hội tôn giáo có nguồn gốc từ Phật giáo và do các sư sãi tổ chức trong khuôn viên chùa, lễ hội dân tộc là những ngày lễ bắt nguồn từ đời sống sinh hoạt hằng ngày cũng như cuộc sống lao động của người Khmer, ít nhiều bị ảnh hưởng bởi yếu tố tôn giáo.

Hằng năm, người Khmer ở Giồng Riềng có nhiều ngày lễ dân tộc gắn với tín ngưỡng, văn hóa, truyền thống của mình, được tổ chức trong khuôn viên các chùa hoặc khoảng đất trống, với sự tham gia của toàn thể cộng đồng, chương trình hành lễ do vị sư trụ trì soạn thảo. Vào dịp lễ, Phật tử tập trung đến chùa để cử hành lễ. Người Khmer trong năm có khoảng 30 lễ lớn nhỏ được tổ chức định kỳ và không định kỳ. Trong số này, có các lễ hội dân tộc tiêu biểu dưới đây, thể hiện rõ nét ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông:

Chôl Chnăm Thmây (lễ vào năm mới, tết chịu tuổi): Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây được tổ chức vào tháng Chét theo lịch Phật giáo Khmer, thường rơi vào ba ngày 13, 14, 15 tháng 4 dương lịch. Ngày thứ nhất (Sangkran): Buổi sáng, Phật tử tập trung về chùa lễ bái Tam Bảo; buổi trưa làm lễ trai tăng và đọc kinh hồi hướng phước báu, sau đó dùng cơm; buổi chiều, người dân đến chùa làm lễ đón năm mới, xếp hàng đi ba vòng quanh chính điện, sau đó lễ bái Tam bảo; việc đi vòng quanh chính điện ba lần là để tưởng nhớ huyền thoại Thômbabal và Kabil Maha Prum – thần Bón mặt – vì thua trí hoàng tử Thômbabal nên đã tự cắt đầu mình. Ngày thứ hai (Wonbót): Buổi sáng, lễ bái Tam bảo, chư tăng và Phật tử tập trung ở chính điện phát nguyện thọ trì tam quy ngũ giới; các cấp các ngành đến thăm chúc tết; buổi trưa là lễ đặt bát hội và lễ trì

binh, sau đó sư tăng đọc kinh và thọ thực; buổi chiều là lễ đắp núi cát, một số chùa thì đắp núi gạo, ý nghĩa là tích đức, tích phước; chiều và tối, lễ bái Tam bảo, nghe sư thuyết pháp và chương trình văn nghệ. Ngày thứ ba (Long SẮk): Buổi sáng và trưa, sư sãi cùng Phật tử hành lễ bái Tam bảo, trai tăng, tất cả tập trung trước giác linh hòa thượng, những vị sư đã quá cố để làm lễ cầu siêu tại tháp cốt của chùa; buổi tối là chương trình văn nghệ cộng đồng, lễ tết Chôl Chnăm Thmây kết thúc.

Sene Đôn Ta (lễ cúng ông bà): Lễ chính được tổ chức vào ngày 15 tháng thứ 10 lịch Khmer. Trước khi vào ngày lễ chính thức, các chùa tổ chức lễ cô hồn. Phật tử mang đồ cúng đến chùa đặt ở tám hướng quanh chính điện để vị Achar làm lễ cúng cô hồn. Sau lễ tụng kinh, Phật tử thắp nhang, đốt nến, đặt đồ cúng quanh tháp cốt để cúng cô hồn. Trong những ngày này, họ dâng cơm cho sư tăng, cơm được vo thành nắm và liên tục dâng cúng hàng ngày không gián đoạn. Ngày nay, tại huyện Giồng Riềng đã có thay đổi trong nghi lễ này, cơm được dâng cho sư tăng trong vài ngày mang tính tượng trưng. Buổi sáng, người Khmer dâng cơm cho sư sãi và thỉnh vong linh ông bà về chùa để nghe kinh kệ, buổi chiều là lễ thỉnh ông bà về nhà an nghỉ. Hôm sau gia đình lại thỉnh sư sãi về nhà đọc kinh lần cuối trước khi tiễn vong linh ông bà về cõi âm.

Ok ombok (lễ cúng trăng, đút cốm dẹp): Lễ được tổ chức vào ngày trăng tròn, khoảng ngày 15/10 âm lịch. Theo truyền thuyết thì người Khmer cho rằng, trăng là một vị thần bảo hộ cho mùa màng, trong các tuần trăng trong năm thì tuần trăng tròn tháng 10 là trăng sáng nhất. Mọi người đến tham dự đều được các sư sãi hành lễ đút cốm dẹp và cầu chúc những điều tốt đẹp, thuận lợi trong cuộc sống. Lễ Ok om bok mang ý nghĩa tín ngưỡng thần nước của cư dân nông nghiệp lúa nước. Khi Phật giáo Nam tông trở thành tôn giáo của người Khmer thì đã ảnh hưởng rất rõ nét đến lễ Ok om bok. Hàng năm, lễ Ok om bok được tổ chức ở hầu hết 14 chùa Phật giáo Nam tông trong huyện. Đầu giờ chiều ngày 15/10 âm lịch, người tham dự mang đồ lễ được bày trên mâm như

cốm dẹp, chuối, khoai lang, dứa tươi, bánh, vải, nhãn,... không cúng thức ăn mặn. Họ tập trung trước bàn thờ Chư thiên để nghe sư sãi đọc kinh, thuyết pháp, kể về sự tích lễ Ok om bok. Sau đó, các nhà sư rảy nước ban phước lành, cầu mạnh khỏe, cầu chúc tốt đẹp đến mọi người. Cuối buổi lễ, các nhà sư sẽ đút cốm dẹp cho người tham dự. Nhân dịp này, hằng năm người Khmer ở Giồng Riềng đều tổ chức hội đua ghe ngo trên sông Thạnh Hưng, thu hút hàng chục nghìn lượt nhân dân và du khách đến xem và cổ vũ. Ngoài ra, một số chùa còn tổ chức thả đèn gió, nhưng hiện nay do điều kiện kinh phí và nghệ nhân không còn nhiều nữa, kỹ thuật làm đèn gió dần mai một. Kỹ thuật sửa chữa và đóng mới ghe ngo, kỹ thuật đua ghe ngo, hay dụng cụ, kỹ thuật làm đèn gió đều được lưu giữ tại các chùa và sư sãi vẫn đóng vai trò chủ chốt trong việc gìn giữ, lưu truyền các loại hình văn hóa này.

Nhìn chung, người Khmer ở Giồng Riềng vẫn còn lưu giữ được những nội dung cơ bản của lễ hội dân tộc mình, trong đó yếu tố tôn giáo và vai trò của sư sãi có ảnh hưởng nhất định, thể hiện trong hầu hết các nội dung của lễ hội và được quy cách hóa thành những giá trị văn hóa cốt yếu bền vững của dân tộc.

2.1.2. Đối với phong tục, tập quán

Phong tục, tập quán là hệ thống các quy tắc, yêu cầu đòi hỏi được xác lập nhằm củng cố những mẫu mực giao tiếp, ứng xử trong các cộng đồng người. Các quy tắc sinh hoạt công cộng lâu đời của con người được hình thành qua quá trình lịch sử lặp đi lặp lại nhiều lần, trở thành thói quen trong lao động, trong cuộc sống hằng ngày và trong bảo vệ môi trường của các cộng đồng xã hội⁷.

Cũng như các dân tộc khác, người Khmer có những phong tục, tập quán riêng của mình, gắn liền với cuộc sống, với vòng đời người, các nghi lễ trong chu kỳ lao động sản xuất. Tất cả các nghi lễ trong phong tục tập quán đó lại chứa đựng yếu tố Phật giáo Nam tông. Hiện nay, người Khmer ở Giồng Riềng còn những phong tục, tập quán như sau:

Pithi kát chúp (tục giáp tuổi): Khi con trai được 12 tuổi, gia đình tổ chức lễ giáp tuổi để mừng và cũng để tạ ơn thần thánh đã phù hộ cho con họ được khỏe mạnh; lễ này còn có ý nghĩa xua đuổi ma quỷ không cho đến gần đứa trẻ.

Pithi Apea Pipea (tục cưới hỏi): Lễ cưới của người Khmer ở Giồng Riềng được tổ chức theo nghi lễ truyền thống và luôn có sự hiện diện của nhà sư để tụng kinh. Họ quan niệm việc này sẽ đem lại hạnh phúc cho đôi trẻ.

Kathin nat tean (tục dâng áo cà sa): Dành cho các nhà sư, bắt đầu sau ngày xuất hạ, từ ngày 16/9 đến 15/10 âm lịch. Ở Giồng Riềng, mỗi chùa chỉ được tổ chức lễ Kathin một lần và do nhà chùa quyết định ngày tổ chức lễ.

Tục chúc thọ: Khi ông bà, cha mẹ, thầy cô đến tuổi thì con cháu tổ chức chúc thọ nhằm thể hiện lòng hiếu kính. Trong buổi lễ có nhà sư tụng niệm để cầu phước cho những người có ơn được sống khỏe mạnh và sống thọ.

Bon sập (đám ma) mà người Khmer ở Giồng Riềng hay nói là “*Bon lốt sop*”: Theo quan niệm của người Khmer ở Giồng Riềng, chết không phải là sự chấm dứt, mà linh hồn của người chết vẫn còn tồn tại ở thế giới bên kia, chết là trả hết nợ đời, là giải thoát. Ngay khi còn sống mỗi người Khmer đều có tâm nguyện khi chết được gửi tro cốt lên chùa, để được gán gửi Phật⁸. Người Khmer chết sẽ hỏa táng, một số ít địa táng giống như người Kinh, có trường hợp địa táng một thời gian sau đó lấy cốt lên hỏa táng, trường hợp này hiện nay ở huyện Giồng Riềng không còn. Trong khi đó người Khmer ở tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng vẫn còn phong tục địa táng, một thời gian sau lấy cốt lên hỏa táng gửi vào chùa. Người Khmer quan niệm rằng “sống gửi của, thác gửi cốt”⁹. Các vị sư sãi và Acha có mặt suốt trong quá trình làm tang lễ, nhưng nhìn chung đám tang của người Khmer ở Giồng Riềng đơn giản và không quá bi lụy vì họ tin rằng người chết đã về với Phật. Tuy nhiên, đám tang của các vị sư sãi được tổ chức linh đình và long

trọng hơn để thể hiện sự tôn kính của Phật tử đối với các vị sư sãi - hiện thân của Phật. Trước đây, người Khmer ở Giồng Riềng thường hỏa táng ở những khoảng đất trống gần nhà hoặc thổ táng trong khuôn viên chùa, tấm liệm sơ sài. Phong tục này đã gây ảnh hưởng đến môi trường. Ngày nay, tại các chùa đều có lò hỏa táng, nhưng vẫn rất sơ sài, đốt bằng củi, khói và mùi từ việc hỏa táng thường lan rộng ra xung quanh, một số hộ dân còn tự tổ chức hỏa táng tại nhà. Đây là vấn đề mà các tổ chức đoàn thể ở Giồng Riềng rất quan tâm tuyên truyền vận động họ hỏa táng tập trung tại chùa, ngân sách hằng năm có hỗ trợ cho việc xây dựng, sửa chữa các lò hỏa táng tại chùa.

Bonđa (tục dâng phước): Người Khmer ở Giồng Riềng thường gọi tắt là “đám làm phước”, phong tục này giống như “đám mãn tuần” của người Kinh ở Nam Bộ. Tổ chức khi người chết được bảy ngày (đối với trẻ con) hay chín ngày (đối với người lớn) nhằm dâng phước lành cho người đã khuất. Trong lễ dâng phước có các nghi thức Phật giáo đan xen.

Bon khuop 100 thngai, khuop chnam (tục làm giỗ): Lễ này được tổ chức khi người chết được 100 ngày hoặc một năm, thì người trong gia đình tổ chức đám giỗ để tưởng nhớ và cầu phước cho vong hồn người chết. Vào buổi tối, họ mời sư sãi đến tụng kinh, sáng hôm sau dâng cơm cho các vị sư sãi, sau khi dùng cơm thì tiếp tục đọc kinh và kết thúc buổi lễ.

Tục đi tu: Người Khmer có câu: “Người không được tu trong chùa là người có nhiều tội lỗi trong đời sống”. Con trai Khmer lớn lên phải đi tu, tu không phải để thành Phật mà để báo hiếu vừa để học làm người có tư cách, có đạo đức, có trí tuệ, tu là để tích phước cho gia đình. Người Khmer từ khi sinh ra đã là Phật tử, lớn lên lại được giáo dục theo giáo lý của Phật giáo.

Pithi kat sâk băng kâk chmâp (tục cắt tóc trả ơn mẹ): Được tổ chức khi đứa trẻ chào đời được bảy ngày, trong lễ này đứa trẻ sẽ được cắt tóc hay cạo đầu, cột chỉ để cầu cho mau lớn, mạnh khỏe

và sống lâu, thành đạt, đồng thời cũng là để cúng bái trả ơn bà mẹ đã phù hộ cho việc sinh nở được bình an. Ngày nay, tại huyện Giồng Riềng, tục này chỉ còn lưu truyền qua lời kể. Riêng tục buộc chỉ đỏ để cầu chúc sự tốt đẹp, may mắn, sức khỏe cho khách mời, thân nhân vẫn còn.

Những phong tục tập quán trên đây đã cho thấy tầm ảnh hưởng sâu rộng của Phật giáo trong đời sống Khmer. Đối với người Khmer ở Giồng Riềng, giáo lý Phật giáo luôn tồn tại trong suy nghĩ, niềm tin và hành động của mỗi người, bởi từ khi mới sinh ra họ hiển nhiên là Phật tử. Sư sãi là hiện thân của Phật, họ thay mặt Phật để phổ độ chúng sinh. Người Khmer khi được các sư nhận đồ cúng dường đều thấy vinh hạnh và thấy mình đã tạo phước. Người Khmer ở Giồng Riềng quan niệm sống gửi của vào chùa, chết gửi cốt vào chùa. Họ không lo bản thân mình trong hiện tại, mà chỉ lo có tiền để góp xây chùa, lo cho sư sãi để tạo phúc cho kiếp sau được lên Niết Bàn. Hạnh phúc của họ đã gửi hết vào chùa và tinh thần đã dựa hết vào Phật.

2.2. Đối với một số lĩnh vực của đời sống xã hội

2.2.1. Ngôn ngữ

Người Khmer ở Giồng Riềng từ khi sinh ra và lớn lên đã được sống trong một môi trường thuần nhất, nên việc biết nói tiếng mẹ đẻ là tất yếu. Người Khmer luôn dùng tiếng nói của dân tộc mình để giáo dục thế hệ sau. Dù sử dụng tiếng nói, chữ viết phổ thông trong sinh hoạt, nhưng khi về với gia đình họ giao tiếp với nhau vẫn là tiếng Khmer. Việc học chữ Khmer và chữ Pali được tổ chức tại các chùa hoặc tại các trường dân tộc nội trú. Một số ít người Khmer sống xen kẽ với dân tộc khác nên họ nói tiếng Khmer còn hạn chế, một số ít người già, người không có điều kiện đi học không biết viết chữ Khmer và Pali.

Ở lĩnh vực này, Phật giáo Nam tông ở Giồng Riềng đóng một vai trò rất quan trọng trong việc bảo tồn và lưu giữ tiếng nói, chữ viết Khmer và Pali, khi mà toàn huyện chỉ có một trường phổ thông

dân tộc nội trú với khoảng 250-300 học sinh mỗi năm. Các chùa trong huyện đã góp phần giải quyết nhu cầu học chữ Khmer, trở thành nơi dạy ngôn ngữ, sư sãi là thầy giáo. Hằng năm vào dịp nghỉ hè, các chùa đều tổ chức lớp học song ngữ để góp phần giữ gìn tiếng nói và chữ viết Khmer. Các dịp hè từ năm 2014 đến năm 2018, có 13/14 điểm chùa có tổ chức dạy chữ Khmer với 265 lớp và 7.155 em theo học. Có 10/14 điểm chùa có thư viện, dù lớn nhỏ khác nhau, đều trang bị sách, báo, tài liệu, tivi, video...¹⁰.

Tuy nhiên, trong quá trình cộng cư, sự tác động của cuộc sống đòi hỏi người Khmer phải tiếp thu nhiều luồng văn hóa khác nhau. Cuộc sống phải thích nghi với sự thay đổi của xã hội... đã làm cho các giá trị văn hóa, trong đó có ngôn ngữ, chữ viết có nguy cơ mai một. Việc dạy và học chữ viết, tiếng nói của dân tộc đang gặp rất nhiều khó khăn. Phần lớn các em nhỏ chỉ được học vào các dịp hè, không đủ thời gian để có thể đọc, viết, nói một cách thuần thục. Bên cạnh đó, kinh phí, sách giáo khoa cũng là vấn đề. Một nguyên nhân khác là, trước đây tục đi tu báo hiếu còn được thanh niên Khmer tích cực tham gia như một nghĩa vụ cao cả và bắt buộc, nhưng nay do điều kiện kinh tế, họ phải bỏ xứ đi làm ăn xa, không vào chùa tu hoặc tu với thời gian ngắn hơn. Từ đó, không đủ thời gian để lực lượng này tiếp tục học chữ Khmer, có rất nhiều thanh niên huyện Giồng Riềng ngày nay nói thạo tiếng mẹ đẻ nhưng lại không viết được, một số ít nói không thông thạo và không biết viết.

2.2.2. Văn học nghệ thuật

Văn học dân gian Khmer rất phong phú, gồm tục ngữ, dân ca, truyện dân gian. Tục ngữ Khmer thường là những tổng kết về kinh nghiệm hay những nhận xét và khuyên răn, được gọi chung là Xôphia – Xét. Đặc điểm nổi bật của truyện dân gian, truyền thuyết Khmer là “phản ánh nét đặc thù trong quá trình khai thiên, lập địa, mở mang địa phận trên vùng đồng bằng sông nước Cửu Long sinh lầy, hoang vu, ngập nước và nhiều thú dữ”¹¹.

Bên cạnh đó còn có các tác phẩm được chép trên các tập lá buông, thường gọi là Sa-tra rương (Sa-tra truyện)¹². Hiện nay ở Giồng Riềng vẫn còn lưu truyền bốn loại chính như sau: Sa-tra rương, Sa-tra lô beng (Sa-tra giải trí), Sa-tra chơ bấp (Sa-tra luật giáo huấn), Sa-tra tês (Sa-tra kinh kệ).

Qua khảo sát tại các chùa, theo lời kể của sư sãi, hiện vẫn học dân gian Khmer ở Giồng Riềng vẫn còn lưu truyền những câu chuyện như *Rياهو* (sự tích nhật thực, nguyệt thực), *Nàng Mэкhalang* (giải thích hiện tượng sấm sét), *Một kiếp luân hồi...* Văn học dân gian Khmer ở Giồng Riềng hiện vẫn còn lưu truyền những câu chuyện giải thích về các lễ hội truyền thống dân tộc, mang đậm dấu ấn của Phật giáo Nam tông, như: Chól Chnăm Thmây, Sene Đôn Ta, Okombok,...

Qua lời kể của những người Khmer lớn tuổi tại Giồng Riềng mà chúng tôi được tiếp cận¹³, các thế hệ trong gia đình thường hay dùng ca dao, tục ngữ, bài hát dân gian mang ý nghĩa giáo dục để dạy dỗ con cháu đời sau. Kho tàng tục ngữ, ca dao, dân gian của người Khmer ngoài việc lưu truyền lời dạy của người xưa về cách làm người, về phong tục tập quán, còn có những câu ca dao, tục ngữ lưu truyền lời dạy của Phật, như: “Người không được tu là tội lỗi”; “Chèo xuồng đừng quên cây dầm, người theo đạo đừng quên chùa chiền”; “Muốn biết phải hỏi À cha. Muốn ăn hoa quả phải đót gốc cây”; “Vườn không quên rừng, người theo đạo không quên chùa”; “Nước chảy chưa bao giờ mệt, Phật chưa bao giờ giận”; “Lúc trẻ phải biết trau dồi tri thức, lớn lên phải biết giữ của, đến khi già phải biết tu thân, lúc lia trần phải biết niệm Phật”,...

Nghệ thuật Khmer thể hiện rõ nét nhất trên hai lĩnh vực: nghệ thuật biểu diễn và nghệ thuật tạo hình. Đối với nghệ thuật biểu diễn, có các loại hình như Dù Kê, sân khấu Rô Băm, âm nhạc, múa... Tất cả các loại hình nghệ thuật biểu diễn này ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của nhạc lễ Phật giáo. Nhưng theo đà phát triển và trong quá trình cùng sinh sống với các dân tộc Kinh, Hoa, Chăm... chúng đã trở nên gần gũi hơn với đời sống người Khmer và mang hơi hướng

của âm nhạc vùng sông nước Nam Bộ. Hiện ở Giồng Riềng không còn lưu giữ sách hướng dẫn hay ghi chép lại các loại hình nghệ thuật biểu diễn trên, tuy nhiên các sư sãi, nghệ nhân lớn tuổi có thể hướng dẫn cho mọi người biểu diễn các điệu múa, biểu diễn âm nhạc bằng chính trí nhớ và kinh nghiệm của mình, có một số ít nghệ nhân và các vị sãi cả, các vị thuộc ban quản trị ghi chép lại trong sổ tay.

Nhưng có một thực tế đáng buồn là nhiều năm qua ở nhiều chùa trên địa bàn huyện đã không còn diễn Rô Băm nữa, vì các nghệ nhân của lớp trước nay đã mất, lớp trẻ không ai truyền dạy, mặt khác là kinh phí để phục dựng và mua sắm đạo cụ, tập luyện không có hoặc không đủ. Tại các chùa Giồng Đá, Thác Lác, Thạnh Lợi, một thời có các loại hình nghệ thuật biểu diễn rất sôi nổi của người Khmer, nhưng nay chỉ còn lại một số dụng cụ biểu diễn như mặt nạ, mũ mào, dầm... Hiện nay, tại các chùa còn duy trì và gìn giữ được ca múa nhạc và Dù Kê. Đây được xem là tâm huyết và là tinh thần dân tộc của các vị sư sãi và người Khmer trước những khó khăn khi hội nhập và giao thoa văn hóa, sự cạnh tranh của các loại hình nghệ thuật cũng phần nào tác động đến thị hiếu, sở thích của người thường thức.

Chùa Khmer ở Giồng Riềng là một công trình mang tính nghệ thuật, là nơi thể hiện rõ nhất tinh hoa văn hóa kiến trúc Khmer. Những nét kiến trúc của chùa còn thể hiện triết lý Phật giáo rất sâu sắc, là sự hòa quyện giữa Phật giáo và Bà la môn giáo. Chùa Phật giáo Nam tông có thể nói vừa là trung tâm văn hóa vừa là không gian văn hóa đặc sắc. Ngoài tượng Phật, trong chùa còn có các tượng thần Bà la môn giáo đã dung hợp với tư tưởng Phật giáo hoặc tư tưởng Khmer. Chùa có cả các tượng linh vật trong truyền thuyết, như: thần rắn Naga, tượng rồng, tượng Reach cha sei.

Hội họa Khmer được thể hiện qua các bức tranh vẽ trong chính điện, trên trần nhà hoặc trên các vách tường của chùa. Những bức tranh kể về cuộc đời của đức Phật trong suốt hành trình xuất gia, tu hành, đắc đạo, nhập Niết Bàn... Rồi các bức tranh về các vị thần Bà la môn giáo.

2.2.3. Giáo dục và chuẩn mực đạo đức

Phật giáo Nam tông chỉ thờ Phật Thích ca, không thờ các vị Bồ Tát¹⁴. Đối với chàng trai Khmer, muốn được coi là người có đạo đức, phải đi tu và học tại chùa. Người Khmer dù tu ở chùa hay ở nhà đều tự coi mình là con của Phật. Trong quan niệm của người Khmer, tu không phải để trở thành Phật, mà tu là để làm người. Vì thế, “dù là sư sãi ở chùa hay dân chúng tại thế thì đều phải rèn luyện theo đạo pháp: thọ giới, bố thí, niệm”¹⁵.

Hình thức giáo dục “trường-chùa” đã gắn liền với Phật giáo Nam tông Khmer ở Giồng Riềng từ lâu đời. Tu tập là phải học và thực hành giới luật, là kiêng cử những điều không được làm nhằm khắc chế dục vọng của bản thân, từ bỏ việc ác, thực hành việc thiện để đạt đến sự giải thoát. Giới luật quy định cho từng đối tượng riêng: Đối với tín đồ tại gia phải thực hiện “Ngũ giới” và thập thiện; sa-di phải giữ 105 giới; tì kheo phải thực hiện đầy đủ các giới, gọi là “Cụ túc giới” gồm 250 giới.

Đối với cô gái Khmer, quá trình giáo dục được tiến hành liên tục và có sự định hướng về giới rõ ràng. Trong đời sống truyền thống, khi việc đi tu đối với chàng trai là phổ biến, tu trong thời gian dài, thì cô gái lại không như vậy, tuy nhiên họ cũng được đi học chữ ở chùa. Cô gái chủ yếu có vai trò trong gia đình. Họ phải đảm đương việc nội trợ, chăm sóc, dạy dỗ con cái nhiều hơn... Trong thời gian này, họ cũng được học các bài học về văn hóa và ý thức được về bản thân mình. Trước kia, một trong những tục quan trọng nhất đối với cô gái trước khi lấy chồng là tục *Chol mo lúp* (vào bóng mát). Ngoài việc đánh dấu sự trưởng thành của cô gái, nó còn đề cao vai trò của người phụ nữ trong cộng đồng¹⁶.

Tại Giồng Riềng, trẻ em lên 5-6 tuổi được cho vào chùa học chữ. Bên cạnh việc học chữ, các em được học về kiến thức văn hóa, về phong tục tập quán dân tộc, tham gia vào các sinh hoạt văn hóa, tụng kinh, niệm Phật vào các dịp lễ hội tôn giáo, lễ hội dân tộc, đám cưới, đám ma... Chính các sinh hoạt văn hóa này đã truyền thụ

cho các thế hệ Khmer những chuẩn mực đạo đức của dân tộc mình. Đó là một môi trường vừa giáo dục vừa trải nghiệm, làm các chuẩn mực đạo đức từ đó ngấm sâu và định hướng các hành vi của họ suốt đời.

Kết luận

Người Khmer đã sinh sống từ lâu trên vùng đất Giồng Riềng và cùng với quá trình lịch sử, hệ thống tổ chức xã hội và đời sống của người Khmer đã có nhiều thay đổi để phù hợp với sự đổi mới của đất nước, ví dụ như nơi sinh sống của cộng đồng Khmer được gọi là phum, sóc, và ở Giồng Riềng có thêm tên gọi là ấp, một đơn vị cộng đồng dân cư giống như người Kinh. Tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục tập quán, lễ hội dân tộc, lễ hội tôn giáo có phần thay đổi, có những lễ hội đã được lược bớt nghi thức, có những phong tục hiện nay không còn, nhưng Phật giáo Nam tông vẫn là tôn giáo của dân tộc Khmer.

Ngôi chùa Phật giáo Nam tông là nơi thể hiện tâm tư tình cảm, sự gắn bó của Phật tử đối với Phật giáo Nam tông, sự đoàn kết của dân tộc Khmer trong quá trình sinh sống cùng các dân tộc khác trên mảnh đất Giồng Riềng, là nơi diễn ra lễ hội như một dịp để cộng đồng dân tộc này thể hiện bản sắc và chùa được xem là trung tâm lưu giữ, bảo tồn những thư tịch cổ, kinh sách, là nơi truyền thụ giáo lý kinh điển của Phật giáo, là nơi dạy chữ Pali cho các thế hệ Khmer. Chùa gần giống như trường, thực hiện chức năng giáo dục cho người Khmer từ khi còn rất nhỏ, các sư sãi trong chùa được tôn sùng như hiện thân của Phật, là người thầy khai sáng “vô minh” cho Phật tử. Như vậy, chùa với chức năng xã hội của mình đã phản ánh sắc thái văn hóa của người Khmer nơi đây. Cũng chính chức năng đó đã gắn chặt người Khmer với Phật giáo Nam tông. Với họ, việc xa rời chùa cũng chính là tự đánh mất bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Cho đến nay, trải qua thời gian khá dài, người Khmer cùng sinh sống với các dân tộc khác, nhưng bản sắc văn hóa của họ vẫn được thể hiện một cách đặc sắc và rõ nét, bởi Phật giáo Nam tông đã góp phần quan trọng và cốt yếu trong việc cố kết cộng đồng này.

Tuy nhiên, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, còn một vài những hạn chế, nhất là các nghi lễ còn rườm rà, hoạt động tôn giáo đã mang màu sắc thực dụng... do vậy, Phật giáo Nam tông Khmer cần đổi mới để hòa nhịp với đời sống xã hội hiện đại. Để Phật giáo Nam tông phát huy hiệu quả các ảnh hưởng tích cực của mình đến đời sống văn hóa tinh thần người Khmer ở Giồng Riềng thì cần thiết phải có các giải pháp thiết thực. Ban Quản trị tại các chùa Phật giáo Nam tông Khmer, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo ở cấp tỉnh, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chức sắc trẻ trong Phật giáo Nam tông Khmer đủ sức kế thừa về lâu dài trong việc phát huy chánh pháp và tham gia vào công tác tổ chức, công tác lãnh đạo của giáo hội các cấp. Tăng sinh không chỉ học kinh điển Khmer mà còn phải học kinh điển của các hệ phái Phật giáo khác, của các tôn giáo bạn để có sự so sánh, dung hợp cho một nền giáo lý tiến bộ, sâu sắc, bền vững và hội nhập. Bên cạnh đó, giáo dục bằng tiếng Khmer thôi chưa đủ, còn phải tăng cường thời lượng học tiếng phổ thông, học thêm tiếng quốc tế thông dụng (tiếng Anh), tiếng một số nước có Phật giáo Nam tông (tiếng Thái) để truyền đạt lời Phật dạy đến tất cả mọi người, giao lưu với quốc tế và thực hiện tốt công tác đối ngoại nhân dân. Phật giáo Nam tông Khmer cần đầu tư đào tạo nhân sự có đức có tài, tăng cường bồi dưỡng đạo hạnh chu tăng ngày một phát triển, Phật giáo Nam tông muốn thực hành giáo lý Phật giáo đem hạnh phúc đến cho nhân dân thì phải học, hiểu, nắm bắt kịp thời sự phát triển về mọi mặt, kể cả những thay đổi về tâm lý con người trong cuộc sống hiện đại. Bên cạnh đó phải chủ động học tập, bồi dưỡng sự hiểu biết về chủ trương, chính sách, pháp luật; xây dựng và hình thành ý thức chính trị; không ngừng trau dồi đạo hạnh, củng cố niềm tin, uy tín đối với tín đồ.

Phật giáo Nam tông luôn đóng vai trò chủ đạo trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Khmer, là nhân tố cốt lõi trong giá trị văn hóa Khmer. Từ vai trò quan trọng đó mà Phật giáo Nam

tôn có những ảnh hưởng nhất định đối với đời sống văn hóa tinh thần người Khmer. Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế, đang trên đà thực hiện chủ trương “công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, đòi hỏi các cấp các ngành phải có biện pháp để phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống văn hóa tinh thần của người Khmer, hướng tới một đời sống văn hóa lành mạnh, tinh thần dân tộc trong sáng, đoàn kết cùng các dân tộc trong xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội địa phương. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ban Tôn giáo tỉnh Kiên Giang (2017), *Kết quả khảo sát số liệu các tôn giáo địa bàn tỉnh Kiên Giang*, Báo cáo số 26/BC-BTG, Rạch Giá, ngày 15/11/2017.
- 2 Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2018). *Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Giồng Riềng – tỉnh Kiên Giang*, Kiên Giang, tr. 6.
- 3 UBMTTQ Việt Nam huyện Giồng Riềng (2018), *Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện kết luận số 02KL/-ĐCT ngày 29/12/2015 của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “Về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác tôn giáo”*, Kiên Giang.
- 4 Thích Đồng Bồn (chủ biên) (2002), *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX*, tập II, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội. tr. 61-68.
- 5 Cao Xuân Phổ (2003), “Đạo Phật của người Khơ-me Sóc Trăng”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5, tr. 38-45.
- 6 Nguyễn Phương Thảo (1997), *Văn hóa dân gian Nam Bộ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 6.
- 7 <http://ubdt.gov.vn/wps/wcm/uploads/TaiLieu/2013/01/NguyenVanTrong/BaoCaoTomTat.doc>
- 8 Trần Văn Bồn (2002), *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 106.
- 9 Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 136.
- 10 Phòng Dân tộc huyện Giồng Riềng (2018), *Báo cáo Kết quả tình hình và công tác dân tộc huyện Giồng Riềng các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018*.
- 11 Thái Văn Chải (1997), *Tiếng Khmer: Ngữ âm - từ vựng - ngữ pháp*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 8-9.

- 12 Huỳnh Thanh Quang (2011), *Giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 50-54.
- 13 Phòng văn các bậc tiền bối tại huyện Giồng Riềng, Kiên Giang, năm 2018.
- 14 Huỳnh Ngọc Trảng và cộng sự biên soạn (1987), *Người Khmer tỉnh Cửu Long*, Sở Văn hóa-thông tin Cửu Long xuất bản, tr. 68.
- 15 Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ Me Nam bộ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 216-217.
- 16 Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 42-50.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An (2009), *Phật giáo Nam tông của người Khơ - me*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Phạm Thị Phương Anh (2014), “Phật giáo Nam tông Khmer với đời sống người dân miền Tây Nam bộ,” Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang.
3. Ban Tôn giáo tỉnh Kiên Giang (2017), *Kết quả khảo sát số liệu các tôn giáo địa bàn tỉnh Kiên Giang*, Báo cáo số 26/BC-BTG, Rạch Giá, ngày 15/11/2017.
4. Ban Tôn giáo tỉnh Kiên Giang (2017), *Báo cáo tình hình và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo năm 2017 và chương trình công tác tôn giáo năm 2018*, Kiên Giang.
5. Trần Văn Bồn (2002), *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Thái Văn Chải (1997), *Tiếng Khmer: Ngữ âm - từ vựng - ngữ pháp*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Chi cục Thống kê Giồng Riềng (2017), *Niên giám thống kê*, Kiên Giang.
8. Công an tỉnh Kiên Giang (2017), *Báo cáo tổng kết công tác đấu tranh chống phản động và chống khủng bố năm 2017*, Kiên Giang.
9. Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang (2017), *Niên giám thống kê*, Kiên Giang.
10. Nguyễn Mạnh Cường (2002), *Vài nét về người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ me Nam Bộ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
12. Huyện Đoàn Giồng Riềng (2017), *Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và Phong trào thanh thiếu niên năm 2017*, Kiên Giang.
13. Sơn Phước Hoan và cộng sự (1999-2000), *Vai trò của chùa đối với đời sống văn hóa của đồng bào Khmer Nam bộ*, Chuyên đề nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cơ quan Đặc trách công tác Nam bộ chủ trì thực hiện.

14. Trần Hồng Liên (2010), *Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
15. Đoàn Thanh Nô (2002), *Người Khmer ở Kiên Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
16. Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2018). *Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Giồng Riềng – tỉnh Kiên Giang*, Kiên Giang.
17. Phòng Dân tộc huyện Giồng Riềng (2018), *Báo cáo Kết quả tình hình và công tác dân tộc huyện Giồng Riềng các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018*.
18. Huỳnh Thanh Quang (2011), *Giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
19. <http://opac.nlv.gov.vn/pages/opac/wpid-detailbib-id-668058.html> (truy cập lúc 13:00 ngày 17-3-2019).
20. UBND huyện Giồng Riềng (2017), *Báo cáo tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer, trên địa bàn huyện Giồng Riềng, Kiên Giang*.
21. UBND huyện Giồng Riềng (2018), *Báo cáo Kết quả tình hình và công tác dân tộc 9 tháng đầu năm 2018 và chương trình công tác dân tộc quý IV năm 2018*, Kiên Giang.
22. Viện Văn hóa (1988), *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam bộ*, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang.
23. Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc* (2014), Nxb. Văn hóa – Văn nghệ, Kiên Giang.
24. Tapp, Nicholas (1993) “Karma and cosmology: Anthropology and religion”, in *Asia’s Cultural Mosaic: An Anthropological Introduction*, Grant Evans (ed), pp. 287-306.
25. <http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/162/0/1290/Gioi-thieu-so-luoc-ve-Phat-giao-Nam-tong-Khmer> (truy cập lúc 4:57 ngày 6/3/2018).
26. <http://ubdt.gov.vn/wps/wcm/uploads/TaiLieu/2013/01/NguyenVanTrong/BaoCaoTomTat.doc>
27. <http://www.phatgiaonamtongkhmer.org/gioi-thieu-so-luoc-ve-phat-giao-nam-tong-khmer-a-188.aspx> (truy cập lúc 19:00 ngày 7/3/2019).

Abstract**THERAVADA IN CULTURAL AND SPIRITUAL LIFE OF
THE KHMER IN GIONG RIENG DISTRICT, KIEN GIANG
PROVINCE****Ngô Sách Thực***The Central Committee of the Vietnam Fatherland Front***Nguyễn Thị Hoa Nâu***Kien Giang Propaganda and Training Commission*

Theravada Buddhism has been introduced in Vietnam for a long time, following the path of missionaries from India to Sri Lanka, Myanmar, Thailand, and Cambodia and spread to the southern provinces of Vietnam included Kien Giang province. By the twelfth century, a Khmer Buddhist community was formed and the first temple was built in Rach Gia (Kien Giang) in 1412, which was the Angkor Chum Vong Sa temple. Over the years, Theravada created the cultural identity of the Khmer people. This article presents the influences of Theravada on the cultural and spiritual life of the Khmer in Giong Rieng district, Kien Giang province in the current period.

Keywords: Theravada Buddhism; Khmer; Giong Rieng; Kien Giang.